

# ĐẠY ĐỌC HIỂU CÁC TÁC PHẨM VĂN XUÔI TRÀ VINH SAU NĂM 1975 TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bùi Thị Luyện

Trường Đại học Trà Vinh  
Email: btluyen@tvu.edu.vn

## Article History

Received: 02/8/2020

Accepted: 23/8/2020

Published: 20/9/2020

## Keywords

teaching reading  
comprehension,  
comprehension-based  
communicative language  
teaching, students'  
competencies, Tra Vinh  
prose works after 1975.

## ABSTRACT

Reading competencies and teaching reading comprehension aimed at developing students' competencies, especially when the general education program is in a transition period, is being very interested. In that trend, teachers choose to teach reading according to strategies and works, which is really important in educating Literature competencies as well as general competencies for students. This study proposes the application of comprehension-based communicative language teaching in designing classroom activities to teach reading modern Tra Vinh prose works after 1975 in the Local Literature program at secondary schools in order to develop learners' competencies. Thereby, the study also suggests the direction of applying communicative language teaching to the selection and teaching organization of other local literary works. Research results show the feasibility of meeting the requirements of the new prescribed general education curriculum towards competency model as well as opening up options for teachers when implementing the upcoming new curriculum.

## 1. Mở đầu

Văn học địa phương Trà Vinh sau năm 1975 được đưa vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn địa phương lớp 9, bao gồm phần giới thiệu khái quát và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Riêng về văn xuôi, học sinh (HS) được giới thiệu bút kí “Người đàn bà gánh chĩnh vượt sông” của Trần Dũng, truyện ngắn “Khuấy động cõi chết” của Nguyễn Thị Mây và truyện ngắn “Điều có thể” của Trần Nguyên Ý Anh. Đây là những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu, không chỉ bởi nội dung, nghệ thuật mà còn bởi khả năng khơi gợi cho HS tỉnh Trà Vinh - những thanh thiếu niên vùng đồng bằng sông nước - nhiều suy nghĩ về cuộc sống xung quanh, về ngôn ngữ vùng miền, về tương lai của chính mình và gieo vào tâm hồn các em những hạt giống yêu thương. Vì thế, việc tổ chức dạy học các tác phẩm này theo hướng phát triển năng lực (NL) sẽ góp phần hình thành nên những phẩm chất, NL để các em có thể kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản, sẵn sàng bước vào giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Khái quát về năng lực đọc hiểu và vấn đề dạy học văn hướng đến sự phát triển năng lực cho học sinh

#### 2.1.1. Năng lực đọc

Theo PISA 2009, “*Đọc bao hàm một phạm vi rộng của các NL nhận thức, từ NL cơ bản là giải mã thông tin đến kiến thức về từ ngữ, ngữ pháp, ngôn ngữ và cấu trúc và đặc điểm của văn bản (VB), đến kiến thức về thể loại. Nó cũng bao gồm những NL siêu nhận thức (sự nhận thức và khả năng sử dụng những chiến lược đa dạng, thích hợp để tạo lập VB). NL siêu nhận thức được kích hoạt khi người đọc suy ngẫm, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động đọc sao cho phù hợp với một mục tiêu cụ thể*” (OECD, 2009). PISA 2012 định nghĩa NL đọc hiểu (ĐH) là “*sự hiểu biết, sử dụng, phản hồi và chiếm lĩnh các VB viết nhằm đạt được mục đích của mỗi nội dung, nhằm phát triển kiến thức và tiềm năng để tham gia vào xã hội của mỗi cá nhân*” (OECD, 2014). Còn theo tác giả Phạm Thị Thu Hương (2012) thì “*ĐH VB thực chất là quá trình người đọc kiến tạo ý nghĩa của VB đó thông qua hệ thống các hoạt động, hành động, thao tác*”.

Sau khi liệt kê các khái niệm ĐH khác nhau, tác giả Nguyễn Thị Hạnh (2014) đúc kết những dấu hiệu cốt lõi của khái niệm ĐH, đó là: “*ĐH là một hoạt động nhận thức. Đối tượng của ĐH là ý nghĩa của VB. Hoạt động ĐH là*

hoạt động tương tác giữa người đọc và VB. Mục đích của ĐH là phát triển tri thức, liên kết cá nhân người đọc với môi trường sống để mỗi người đọc học tập và làm việc chuyên môn, duy trì cuộc sống”.

Như vậy, năng lực đọc hiểu (NLĐH) chính là NL xử lí VB, hiểu ý nghĩa của VB dựa trên những gì người đọc đã biết, từ đó có thể vận dụng vào cuộc sống của chính người đọc. Đây là một NL hết sức quan trọng mà mỗi người học cần phải có bởi nó sẽ trở thành nhân tố quan trọng trong việc xây dựng, mở rộng những kiến thức, kĩ năng và chiến lược của mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời.

### 2.1.2. Vấn đề dạy đọc văn hướng đến sự phát triển năng lực cho học sinh

Trong dạy đọc văn hướng đến sự hình thành NL cho HS, chúng ta cần nhắc đến các đặc trưng của hoạt động tiếp nhận. Trong đó, vai trò của người đọc là rất quan trọng trong việc tạo nên giá trị của VB; ngoài ra sự giao tiếp, đối thoại, liên VB, liên hệ với ngữ cảnh trong quá trình đọc cũng rất cần thiết trong việc kiến tạo nghĩa cho VB. Các quá trình nói trên sẽ rèn cho người đọc những NL chuyên môn và NL sống khác, đồng thời tích lũy kiến thức, phát triển kĩ năng. Vì thế, để dạy đọc hướng đến sự phát triển NL cho HS thì giáo viên (GV) phải từ bỏ quan niệm cũ cho rằng “dạy văn là giảng văn”, là nhồi nhét cho HS càng nhiều kiến thức càng tốt. Không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi tên giờ học tác phẩm văn học là giờ ĐH. Tất cả những cái tinh túy, những giá trị đều phải từ hiểu mà ra. Hiểu không phải là một vấn đề đơn giản, nó là cả quá trình phức tạp mà từ đó các NL được hình thành và phát triển. GV và HS đều là người đọc, tuy nhiên GV là người đọc có kinh nghiệm sẽ có vai trò định hướng để giúp đỡ HS tự khám phá VB, tự rèn luyện các kĩ năng, tự hình thành các NL trong chuỗi các hoạt động tích hợp mà GV sẽ đóng vai trò tổ chức. Vì vậy, dạy đọc văn là dạy cho HS cách để họ tự đọc VB, tự khám phá để hiểu VB, không phải hiểu theo cách hiểu của “người đọc GV”. Như thế, các NL, khả năng của HS sẽ được phát huy tối đa và lẽ dĩ nhiên, HS sẽ yêu thích học môn Ngữ văn vì đó là môn học giúp các em sống đời sống thật của những cảm xúc, suy nghĩ, vốn sống; được sáng tạo và trên hết là môn học này có thể ứng dụng được thật nhiều vào thực tiễn cuộc sống của các em.

Như đã trình bày, trong giờ đọc văn, HS không chỉ giải mã VB từ các yếu tố ngôn từ nghệ thuật mà quá trình hiểu còn yêu cầu vai trò kiến tạo nghĩa của người đọc, mỗi người đọc có thể tự kiến tạo cho mình những ý nghĩa riêng dựa trên vốn kiến thức nền và các NL. Từ đó, một yêu cầu đặt ra cho “người đọc GV” là nếu muốn thực hiện tốt vai trò định hướng ĐH thì phải tổ chức được các hoạt động giao tiếp, tương tác; thiết kế được hệ thống câu hỏi (CH) để giúp người đọc HS hiểu VB. Điều khó khăn nhất trong quá trình tổ chức các hoạt động và thiết kế hệ thống CH giúp HS hiểu VB là GV phải đảm bảo được chất văn, tức là phải giúp HS hiểu được cả chức năng phản ánh đời sống và khơi gợi cảm xúc cho người đọc qua giờ ĐH. Xúc cảm thẩm mĩ đẹp đẽ sẽ giúp HS sống tốt hơn, biết yêu thương hơn và phát triển được NL thẩm mĩ.

### 2.2. Quy trình dạy đọc văn theo hướng phát triển năng lực cho học sinh ở trường phổ thông

Nguyễn Thanh Hùng (2014) trong sách *Kĩ năng đọc hiểu Văn* đề xuất một quy trình đọc và dạy đọc như sau: trước hết là “ĐH giá trị ý nghĩa tầng cấu trúc ngôn từ”, tiếp theo là “ĐH giá trị ý nghĩa tầng cấu trúc hình tượng”, sau cùng là “ĐH giá trị ý nghĩa tầng tư tưởng và ý vị nhân sinh của tác phẩm”.

Với quan niệm “*kĩ năng là đích đến, chiến thuật là cuộc đi*”, Phạm Thị Thu Hương (2013) dựa vào mô hình Lí thuyết thông tin, hướng vào hoạt động nhận thức của con người và hình thức tổ chức dạy đọc mà chia chiến thuật đọc thành 3 loại: nhận thức, siêu nhận thức và tương tác. Tác giả cũng đưa ra cách phân chia dựa trên quá trình nghiên cứu “chân dung độc giả” trong hoạt động đọc gồm: (1) Hoạt hóa các tri thức, trải nghiệm có được; (2) Dự đoán; (3) Mối quan hệ hỏi - đáp; (4) Đặt CH; (5) Bảng truyền (sơ đồ hóa cốt truyện); (6) Tóm tắt, tổng hợp, đánh giá VB; (7) Sơ đồ, bảng biểu,...

Một số tác giả khác như Trần Đình Sử, Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thanh Bình... cũng đã nêu lên những ý kiến của mình về “mô hình dạy học ĐH VB văn chương theo thể loại”. Năm 2016, Nguyễn Thị Hồng Nam và Dương Thị Hồng Hiếu ra mắt *Giáo trình Phương pháp dạy đọc VB* (tái bản có chỉnh sửa năm 2017), cung cấp khá nhiều định hướng, biểu mẫu cho việc dạy đọc văn hướng đến phát triển NL người học. Đây là những nghiên cứu quý giá, định hướng cho chúng ta cách đọc và cách dạy đọc VB nhằm phát triển NL người đọc.

Nhìn chung, nguyên tắc cơ bản nhất là tạo sợi dây gắn kết giữa tác phẩm và nhu cầu khám phá của người học. Do đó, việc lựa chọn tác phẩm, khơi gợi các tình huống có vấn đề, kết nối cảm xúc,... để tạo được “kênh giao tiếp” giữa tác phẩm văn chương với đời thực, với cuộc sống của mỗi HS là hết sức quan trọng. Trên thực tế, trong quá trình dạy đọc, thì trước khi đọc, chúng ta cần xác định cho HS mục tiêu của việc đọc, hướng dẫn HS cách đọc (các bước kiến tạo nghĩa cho VB); hình thành và bồi dưỡng cho HS các kĩ năng đọc; kết hợp nghe, nói, đọc, viết trong

quá trình dạy đọc. Các kỹ năng đọc mà nhà trường cần hình thành và bồi dưỡng cho HS trong quá trình dạy đọc bao gồm: (1) Liên hệ với kiến thức nền (về thể giới, về VB, về bản thân); (2) Xác định những thông tin/ từ ngữ/ hình ảnh quan trọng trong VB; (3) Dự đoán; (4) Tưởng tượng; (5) Suy luận; (6) Tóm tắt; (7) Kiểm soát việc hiểu của bản thân; (8) Bồi dưỡng các cảm xúc lành mạnh.

### 2.3. Khái quát về 3 tác phẩm văn xuôi Trà Vinh sau 1975 trong chương trình Ngữ văn địa phương cấp trung học cơ sở

Trong chương trình Ngữ văn địa phương cấp THCS của tỉnh Trà Vinh, có 3 tác phẩm tự sự, bao gồm: - Bút kí “*Người đàn bà gánh chũr vượt sông*” của nhà văn Trần Dũng. (tác phẩm đạt giải Nhì của Hội Nhà văn Việt Nam); - Truyện ngắn “*Khuấy động cõi chết*” của nhà văn Nguyễn Thị Mây; - Truyện ngắn “*Điều có thể*” của nhà văn Trần Nguyên Ý Anh.

Cả 3 tác phẩm trên đều thể hiện rõ chất Nam Bộ, biểu hiện qua ngôn ngữ của nhân vật, qua giọng văn cũng như qua cách xây dựng hình tượng nhân vật. Mỗi một câu chuyện đều gắn gũi với HS bởi đều có một lớp học. Lớp học trong “*Người đàn bà gánh chũr vượt sông*” là lớp học của cô giáo dạy Văn vào những tháng ngày gian khổ nhất. Lớp học trong “*Khuấy động cõi chết*” có một cô giáo tâm lí, yêu học trò, biết động viên HS của mình vượt qua khó khăn mà sống đẹp, mà toả sáng, “*xúng đáng là một đoá hoa sen trong bùn*”. Lớp học thứ ba trong “*Điều có thể*” là lớp học mở ra bởi sự cảm thông, bởi tình thương của một cô gái trẻ dành cho “*muời bốn đứa trẻ, muời bốn cảnh đời*” bất hạnh. Mỗi tác phẩm đều có nét đẹp mang tính thẩm mỹ riêng, chứa đựng những thông điệp hết sức nhân văn toát ra bởi sức mạnh của nghệ thuật ngôn từ.

Mỗi tác giả có một giọng văn, cách sử dụng ngôn từ nghệ thuật rất riêng, gửi gắm đến người đọc những thông điệp mang đậm chất nhân văn mà cũng rất chân chất, rất Nam Bộ. “*Người đàn bà gánh chũr vượt sông*” là một câu chuyện mà “tôi” kể lại với một giọng có vẻ dửng dưng, như đó chỉ là một trong vô vàn những mẩu chuyện bên đời ta nhìn thấy; nhưng, ẩn sâu đằng sau những ngôn từ ấy là tất cả tình yêu, sự cảm thông và trân trọng của tác giả đối với cô giáo của mình. “Tôi” đau, “tôi” xót và “tôi” cúi đầu ngưỡng mộ, trân trọng đối với cô tiểu thư Mỹ Duyên năm xưa - “*mỗi bước ra đường có xe đưa người đón*” mà khi thời thế đổi thay, mang cái “*lí lịch đen thui đen thui bị dầy*”, cô giáo ấy vẫn là người đi đầu, tận tụy quên thân để giữ con chữ cho HS nghèo xứ cù lao. Giữa những tháng ngày GV “*đôi quay đôi quắt, xanh mặt chờ lương*”, cô tiểu thư yếu điệu và đài các năm xưa sẵn sàng “*quần vo áo tím, lội xuống ruộng xuống xẻo kéo tay lưới, chụp chiếc nơm bắt con cá, con của phụ vào bữa ăn, cổ cầm cự qua ngày*”, để đứng cảm trụ vững, kéo theo những thầy cô khác vượt qua gian khó giữ cho “*lớp học lại vang tiếng ê a, dù giọt nước mắt cổ nuốt ngược vào trong, nghẹn nghẹn*”. Xuyên suốt tác phẩm, chúng ta thấy được nghị lực phi thường của một cô giáo dạy Văn gầy gò nhưng tấm lòng sáng như gương. Cô đã sống đẹp hơn cả những gì cô đã hứa với cha mẹ ngày còn huy hoàng “*Con sẽ sống bằng chính đôi bàn tay và kiến thức của mình*”. Cô giáo không đẹp và càng không xấu đi bởi hoàn cảnh xuất thân. Cô đẹp, cô toả sáng bởi cách cô đã sống, đã cống hiến. Bài bút kí kể một chuyện đời thường, chỉ là ngôn ngữ trò chuyện của cư dân vùng sông nước miền Tây Nam Bộ nhưng vẫn rất thu hút và đi sâu vào trái tim người đọc.

Giọng văn gọt giũa hơn, uyển chuyển hơn, thế nhưng “*Khuấy động cõi chết*” của Nguyễn Thị Mây vẫn chất đầy những từ ngữ Nam Bộ. Đặc biệt, nữ nhà văn rất tài tình trong việc sử dụng từ láy để truyền tải thông tin và cảm xúc, đó là cái mùi “*khăm khăm*” thâm căn cố đế của trẻ con đất dầm; những con ho “*àng ặc*”, thở “*hồn hển*” do lao phổi của mẹ Phú; lũ trẻ con nín lặng “*riu riu*” vì sợ sệt; tiếng “*ken két*” của cái giường “*ọp ẹp*” của một gia đình nghèo đông con... đến những tiếng thờ dài “*sườn sụt*”, hay “*quạu quọ*” của ba Phú - người đàn ông trụ cột gia đình chịu sức ép nặng nề của cơm áo gạo tiền, vợ bệnh nặng, đàn con nheo nhóc cần ăn cần học mà vẫn phải giữ vững lối sống sạch làm gương cho đàn con; sự “*ngiên ngẫm*” ca dao tục ngữ dạy con người ta sống đẹp của người đàn bà nghèo khổ, bệnh hoạn - mẹ Phú; thoáng “*ngõ ngang*” của ba Phú khi con đề nghị nghỉ học; nỗi “*ngheo ngào*” khi người cha ôm lấy con hứa hẹn sẽ không ăn cắp của người chết nữa mà “*làm bất cứ việc gì để con được đi học*”. Cái câu “*Nghèo cho sạch...*” như sợi chỉ đỏ xuyên suốt tác phẩm, nâng lên giá trị của những con người dù trong tận cùng khổ cực vẫn giữ được những phẩm cách tốt đẹp nhất. Có những câu văn với ngôn từ ngộ như bốn cọt nhưng lại làm cho người đọc có cảm giác đau, cảm giác xót, cảm giác nghẹn. Đó là bởi vì nghệ thuật so sánh đặc biệt của tác giả với đủ mọi cấp độ so sánh, mà cái nào cũng thật trái khoáy. Đó là bởi vì những nhận định có vẻ áp đặt nhưng lại rất thật, rất đời và rất đau: “*Nghèo là một cái tội. Phải nhịn hết, nhịn ăn, nhịn mặc, ... nhịn đủ thứ. Nghèo không được cười lớn. Không được nói to.*” Ngôn ngữ của các câu hành động rất ngắn, mang tính hình tượng rõ nét đồng thời cũng bày tỏ đầy đủ những cung bậc cảm xúc của nhân vật. Ngôn ngữ thoại của nhân vật có khi ngập ngừng, có khi quyết liệt... nhưng đều làm nổi bật tâm lí, tính cách của nhân vật.

Nếu như hình tượng nổi bật trong truyện ngắn của Trần Dũng là cô giáo Duyên, trung tâm của truyện ngắn Nguyễn Thị Mỹ là gia đình Phú thì nhân vật có giá trị tư tưởng cao nhất trong truyện ngắn của Trầm Nguyên Ý Anh lại là Quỳnh, cô gái trẻ học lớp 12, người mang đến con chữ cho đám trẻ bụi đời ở tầng đáy xã hội, mang đến cho một góc tối nào đó những “điều có thể”. Xoay quanh Quỳnh, chúng ta thấy những mảnh đời bất hạnh khác, ai ai cũng có những hoàn cảnh riêng, như thằng Bò, con Lựu, Bi, kể cả Dũng “râu”... Thằng Bi là điển hình cho những đứa trẻ bán vé số có cha nghiện rượu, mẹ nghiện cờ bạc; có bạn là những đứa trẻ hốt rác như thằng Bò, ở đợ như con Lựu. Dũng “râu” buồn bán ma tuý là điển hình cho những mảnh đời sớm bị xô đẩy vào vũng bùn, vẫy vùng mưu sinh,... Ngôn từ có vẻ “đường phố”, nhưng tác phẩm toát lên thông điệp đáng suy ngẫm: ở đời, chúng ta không thể đánh giá ai đó chỉ bởi vẻ bề ngoài hay qua lời kể của những người khác. Với sự cảm thông, chia sẻ, dám can đảm đến gần cuộc sống của những con người bất hạnh, Quỳnh đã cứu vớt được cuộc đời của Bi, của Dũng, hướng họ “thoát ra khỏi kiếp người tăm tối”. Những lời thoại của nhân vật chiếm hầu hết dung lượng của câu chuyện, ngôn từ không chỉ mang chất Nam Bộ mà còn mang theo dấu ấn của những con người sống ở những góc khuất của xã hội. Những từ “con”, những “thằng”, những “à”, những “gã” ấy không mang hàm nghĩa phê phán mà chất chứa niềm thương cảm của tác giả đối với họ. Lựa chọn của họ quyết định tương lai, không phải số phận. Lời thoại của Quỳnh cũng mang theo tư tưởng của tác phẩm “Con người này sẽ không trở thành kẻ xấu nếu có được một hoàn cảnh tốt”.

Ở 3 tác phẩm trên, nếu GV tổ chức dạy và học đúng theo hướng phát triển NL thì HS sẽ có điều kiện để nâng cao NL giao tiếp tiếng Việt, hình thành và phát triển NL văn học, một biểu hiện của NL thẩm mỹ, nhất là có thể bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để phát triển về tâm hồn, nhân cách. Đây là những yêu cầu cần đạt đã được xác định trong Chương trình giáo dục môn Ngữ văn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

#### 2.4. Thiết kế một số hoạt động dạy học đọc hiểu tác phẩm theo hướng phát triển năng lực

##### 2.4.1. Khởi gợi kiến thức nền của học sinh trong tiến trình đọc văn bản, hướng dẫn học sinh nhận biết các chi tiết quan trọng, ý chính

Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, GV sẽ sử dụng hệ thống các CH khơi gợi kiến thức nền của người học. Ví dụ:

- Nhan đề tác phẩm “Người đàn bà gánh chữ vượt sông”, “Khuấy động cõi chết”, “Điều có thể” gợi cho em suy nghĩ gì? Từ nhan đề, em có thể dự đoán về nội dung tác phẩm không? Em hình dung như thế nào về thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm? (dựa vào kiến thức ngôn từ và kinh nghiệm của bản thân, kết hợp với tư duy, suy luận).

- Chi tiết/ hình ảnh/ nội dung/ từ ngữ nào trong tác phẩm gây ấn tượng với em nhiều nhất? Vì sao?
- Theo em, cách xây dựng nhân vật của tác giả có gì khác biệt? Vì sao?
- Theo em, tác phẩm gợi cảm giác buồn hay vui? Hình ảnh/ từ ngữ/ chi tiết nào làm cho em nghĩ như vậy?
- Sau khi đọc 3 tác phẩm này, em hãy: + Tìm ra những điểm chung của cả 3 tác phẩm (ngôn ngữ, thông điệp, bối cảnh...); + Tìm ra những điểm riêng đặc sắc của 3 tác phẩm; + Liệt kê những thông điệp mà em tâm đắc nhất, lí giải vì sao? + Em thích/ không thích nhân vật nào nhất? Vì sao?

Khi dạy những tác phẩm tự sự này, GV cũng có thể đặt một số CH vừa kiểm tra kiến thức nền, vừa góp phần kiến tạo nghĩa cho VB ở bước đầu tiên là nhận biết các ý quan trọng, ý chính, như sử dụng phiếu học tập về phát hiện các từ hay, từ khó hiểu, chi tiết hay.

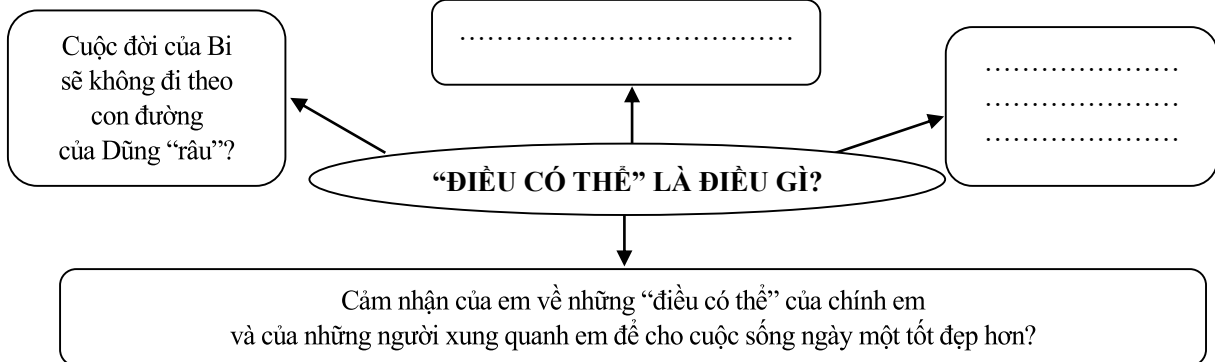
Nhóm: .....		PHIẾU HỌC TẬP 1		Ngày thực hiện:.....	
Tác phẩm “Người đàn bà gánh chữ vượt sông”/ “Khuấy động cõi chết”/ “Điều có thể”					
Từ hay/Từ khó hiểu/ Chi tiết hay	Trang	Ý nghĩa	Cách hiểu sau trao đổi, thảo luận		
VD: “gỗ tạp nhạp”, “long mộng”, “gà gáy bận nhứt”, “mô tềng heng”, “múa gậy giữa rừng hoang”...					

Với mẫu phiếu này, GV cũng có thể sử dụng để dạy học về phương ngữ Nam Bộ (xuất hiện nhiều trong cả 3 tác phẩm), tính chất tượng hình, tượng thanh của hệ thống từ láy trong mỗi tác phẩm; hay phiếu học tập để HS tự rút ra các thông điệp mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm, cũng như suy nghĩ của HS về những thông điệp đó, nhất là cách mà các em đón nhận thông điệp.

Nhóm: .....		<b>PHIẾU HỌC TẬP 2</b>		Ngày thực hiện:.....	
Tác phẩm “ <i>Người đàn bà gánh chữ vượt sông</i> ”/ “ <i>Khuấy động cõi chết</i> ”/ “ <i>Điều có thể</i> ” (Có thể sử dụng riêng cho từng tác phẩm hoặc tổng hợp so sánh cả 3 tác phẩm)					
<b>Tác phẩm</b>	<b>Nội dung làm việc nhóm</b>				
	Thông điệp	Thể hiện qua các chi tiết chính nào?		Trao đổi, liên hệ bản thân và rút ra bài học	
“ <i>Người đàn bà gánh chữ vượt sông</i> ”					
“ <i>Khuấy động cõi chết</i> ”					
“ <i>Điều có thể</i> ”					

2.4.2. *Khơi gợi tư duy, cảm xúc và trí tưởng tượng của học sinh trong tiến trình đọc văn bản*

Khi dạy đọc các tác phẩm nêu trên, GV có thể sử dụng dạng sơ đồ tư duy kết hợp giữa tìm hình ảnh, chi tiết với khơi gợi cảm xúc và trí tưởng tượng của HS. Ví dụ: sử dụng sơ đồ tư duy để HS hiểu những thông điệp mà mỗi tác phẩm đã gửi gắm hay những dư âm, sức gợi mở ra sau khi tác phẩm khép lại:



2.4.3. *Kết hợp nghe, nói, đọc, viết trong tiến trình đọc văn bản, đồng thời kiểm soát cách hiểu của bản thân người đọc, định hướng học sinh có những suy nghĩ tích cực*

Trong quá trình dạy đọc, GV có thể cho HS kết hợp ghi chép hoặc phát biểu về những suy nghĩ của các em về nhân vật, về tác phẩm hoặc bất kì điều gì mà các em băn khoăn khi đọc. Việc trao đổi với bạn bè, GV bằng lời (nói) hoặc bằng VB (viết) sẽ giúp nâng cao NL diễn đạt của HS, đồng thời GV cũng có thể kịp thời hỗ trợ điều chỉnh những suy nghĩ chưa đúng của HS.

Nhóm: .....		<b>PHIẾU HỌC TẬP 3</b>		Ngày thực hiện:.....	
Sau khi đọc tác phẩm “ <i>Người đàn bà gánh chữ vượt sông</i> ”/ “ <i>Khuấy động cõi chết</i> ”/ “ <i>Điều có thể</i> ”, các em hãy thực hiện các yêu cầu sau:					
<b>Tác phẩm</b>	<b>Nội dung làm việc nhóm đôi</b>				
	Từ ngữ/ Chi tiết/ Nhân vật gây chú ý đối với em	Hãy nói về lí do mà những từ ngữ/ chi tiết/ nhân vật đó gây sự chú ý đối với em		Chia sẻ với bạn của em và hãy viết lại về những gì em đã nghe bạn chia sẻ	
“ <i>Người đàn bà gánh chữ vượt sông</i> ”					
“ <i>Khuấy động cõi chết</i> ”					
“ <i>Điều có thể</i> ”					

Cũng với mẫu phiếu này, HS có thể viết chia sẻ của mình (trong khoảng 3-5 câu) trên một mảnh giấy, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh. GV có thể yêu cầu một HS trình bày lại (bằng lời nói) về những suy nghĩ của mình/ của bạn, bày tỏ thêm nhận xét của bản thân về những chia sẻ ấy.

2.4.4. *Hỗ trợ học sinh thảo luận, dạy học dựa trên sự phản hồi của người đọc*

Để việc thảo luận trong dạy đọc có hiệu quả, GV cần phải có sự chuẩn bị mà nhất là chuẩn bị hệ thống CH dẫn dắt hiệu quả. HS hoàn toàn có quyền phê phán, đánh giá để phát triển tư duy phản biện; tuy nhiên, GV phải là người gợi mở, người kiểm soát quá trình thảo luận. GV đặt ra những vấn đề cần thảo luận, chẳng hạn như:

- Tại sao cuối tác phẩm “*Điều có thể*”, nhân vật Dũng “râu” bị bắt? Có thể có kết cục khác không? Vì sao? (“*Điều có thể*” - Trầm Nguyễn Ý Anh).

- Câu văn cuối cùng của tác phẩm “*Điều có thể*” (Trần Nguyên Ý Anh): “*Trời lại trút xuống một cơn mưa*” có ý nghĩa gì? Em có suy nghĩ gì về những cơn mưa trong tác phẩm này? (Gợi ý: Cơn mưa lúc Quỳnh gặp Dũng “râu” và cơn mưa ở cuối tác phẩm).

- Vì sao Quỳnh lại khóc? Nếu em là Quỳnh, em sẽ làm gì khi nhận được thư của Dũng “râu”? (“*Điều có thể*” - Trần Nguyên Ý Anh).

- Em có cảm nhận như thế nào về nhân vật Phú và cha mẹ Phú? Nếu em là Phú, em sẽ làm gì khi phát hiện việc làm của cha? (“*Khuấy động cõi chết*” - Nguyễn Thị Mây).

- Hình ảnh “*trăng bàng bạc trên cao, trái thắm vàng lên mặt đường cho Phú và ba quay lại*” có gợi cho em suy nghĩ gì không? (“*Khuấy động cõi chết*” - Nguyễn Thị Mây).

- Hãy tìm những đặc điểm nổi bật khiến em nhớ nhất về cô giáo Mỹ Duyên? Vì sao em lại nhớ về những đặc điểm ấy? (“*Người đàn bà gánh chữ vượt sông*” - Trần Dũng).

- Sau khi đọc tác phẩm “*Người đàn bà gánh chữ vượt sông*”, “*Khuấy động cõi chết*” và “*Điều có thể*”, em cảm thấy cuộc sống và việc học tập hiện tại của em như thế nào? Em có từng nghĩ đến sẽ làm điều gì đó để làm cho cuộc sống này tốt đẹp hơn không?

GV cũng có thể dựa vào các Thẻ thông tin để hướng dẫn HS đọc, phát hiện chi tiết, tưởng tượng, suy luận..., sau đó thảo luận trong nhóm hoặc đưa ra các gợi ý, hướng dẫn các nhóm lập sơ đồ diễn biến câu chuyện, sơ đồ tính cách nhân vật hoặc dự đoán tương lai của câu chuyện (ví dụ cuộc đời Dũng “râu”, gia đình Phú trong tương lai).

### 3. Kết luận

Đọc văn và dạy học đọc văn theo hướng hình thành và phát triển NL cho HS là một vấn đề không mới nhưng cũng không hề cũ, bởi thực tế dạy và học cho thấy hoạt động này vẫn chưa được thực hiện một cách thật sự hiệu quả ở nhà trường phổ thông. Muốn dạy ĐH, rèn luyện NLĐH cho HS để các em có thể tự học và tự học suốt đời, GV nhất thiết phải nghiên cứu đổi mới các thao tác dạy học đọc văn một cách thấu đáo, khoa học và hệ thống. Điều này đòi hỏi ở cả người dạy và người học với vai trò là “người đọc GV” và “người đọc HS” những nỗ lực đổi mới không ngừng để giờ đọc văn trở thành giờ học đầy hứng thú và thực hiện được hết các ý nghĩa của nó đối với sự phát triển các NL của người học. Để có thể dạy đọc văn tốt, trước hết GV Ngữ văn phải là một *người đọc tốt*, có chủ kiến, có cách hiểu độc lập đối với VB, nghiên cứu mọi khả năng tạo nghĩa của VB, giải mã các biểu tượng văn chương trong VB; và khi gặp các cách hiểu khác nhau thì cần có thái độ phê phán chọn lọc, có lí lẽ và có sức thuyết phục.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Nguyễn Thanh Hùng (2014). *Kỹ năng đọc hiểu Văn*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thị Hạnh (2014). *Xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn Ngữ văn của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 56, tr 88-97.
- Nguyễn Thị Hồng Nam, Dương Thị Hồng Hiếu (2017). *Giáo trình Phương pháp dạy đọc văn bản (tái bản)*. NXB Đại học Cần Thơ.
- OECD (2009). *PISA 2009 Assessment Framework: Key Competencies in Reading, Mathematics and Science*, 2009.
- OECD (2014). *PISA 2012 Financial Literacy Assessment Framework*.
- Phạm Thị Thu Hiền (2014). *So sánh vấn đề đọc hiểu văn bản trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn của Việt Nam và một số nước trên thế giới*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Phạm Thị Thu Hương (2012). *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phạm Thị Thu Hương (2013). *Dạy chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 302, tr 38-39.
- Trần Đình Sử (2009). *Trở về với văn bản văn học - con đường đổi mới phương pháp dạy học văn*. Truy cập tại <https://trandinhstu.wordpress.com/2014/03/27/tro-ve-voi-van-ban-van-hoc-con-duong-doi-moi-phuong-phap-day-hoc-van/> ngày 13/10/2019.
- Triệu Văn Phấn (chủ biên, 2017). *Ngữ văn địa phương Trà Vinh (Tài liệu dạy - học tại các trường trung học cơ sở thuộc tỉnh Trà Vinh)*. NXB Giáo dục Việt Nam.